

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAN LỘC
TỈNH HÀ TĨNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18-4-2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAN LỘC, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thành Trung, ông Nguyễn Duy Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Việt Thắng - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Can Lộc tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 18/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLST-HNGĐ ngày 04/01/2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST ngày 27/3/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Khắc Th; Sinh năm 1965; Hộ khẩu thường trú: Số nhà 159, đường Nguyễn Tất T, khối 12, thị trấn N, huyện C, tỉnh H; Nơi ở hiện nay: Xóm Đ, xã T, huyện C, tỉnh H; Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1971; Hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Số nhà 159, đường Nguyễn Tất Th, khối 12, thị trấn N, huyện C, tỉnh H; Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Trần Khắc Th yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Th yêu cầu được ly hôn với chị Phan Thị T vì vợ chồng đã chính thức ly thân, không ở chung một nhà từ năm 2017, không còn tình cảm, quan tâm nhau.

- Về con chung: Anh Th và chị T có 03 con chung là Trần Thị Nh, sinh năm 1990 và Trần Khắc C, sinh năm 1993 và Trần Thị Lệ Q, sinh năm 2006.

Cháu Nh và cháu C đã thành niên, có công việc, thu nhập ổn định. Cháu Q hiện đang học lớp 7A trường THCS Xuân Diệu và đang do anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Th yêu cầu được nuôi cháu Q đến khi con thành niên, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Th trình bày trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có nợ chung, tự giải quyết về tài sản chung.

Tại các lời khai có trong hồ sơ, ý kiến của bị đơn Phan Thị T như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T trình bày vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2010 do tính cách không phù hợp và chính thức ly thân từ năm 2017. Chị T cho rằng anh Th có mối quan hệ tình cảm với một người khác nhưng không có chứng cứ xuất trình. Chị T thừa nhận không còn tình cảm vợ chồng nhưng không đồng ý ly hôn. Nếu anh Th đồng ý cho chị T được quyền nuôi con chung sau khi ly hôn thì chị mới đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Chị T thống nhất vợ chồng có 03 con chung như trình bày của anh Th. Chị T yêu cầu được nuôi cháu Trần Thị Lệ Q đến khi con thành niên, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T cũng thống nhất tự giải quyết về tài sản chung, không có nợ chung.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành thu thập các thông tin liên quan. Cụ thể: Tại biên bản lấy ý kiến cháu Q ngày 09/01/2019 với sự tham gia của anh Trần Khắc Th và biên bản lấy ý kiến cháu Q ngày 25/02/2019 với sự tham gia của anh Ngô Xuân D (giáo viên chủ nhiệm) đều thể hiện: Cháu Q biết việc bố mẹ lục đục, bất đồng trong cuộc sống. Cháu Q sống cùng với bố từ năm cháu bắt đầu vào học lớp 6. Mẹ cháu vẫn có sự quan tâm, thỉnh thoảng gọi điện tâm sự, về đưa cháu đi chơi hoặc gửi đồ cho cháu còn việc học tập, liên hệ thầy cô và ăn uống hằng ngày đều do bố trực tiếp thực hiện. Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở cùng với bố.

Anh Ngô Xuân D (giáo viên chủ nhiệm của cháu Q) cũng cung cấp: Cháu Q có học lực khá, tham gia học tập đầy đủ, chưa có vi phạm gì lớn, thỉnh thoảng bị nhắc nhở về nề nếp, không có biểu hiện bất thường về tâm lý, vẫn học hành và vui chơi với bạn bè hồn nhiên, ngây thơ. Bố cháu là người thường xuyên đưa đón cháu đi học, chủ động liên hệ, trao đổi với giáo viên chủ nhiệm về các vấn đề của con. Anh D cũng nhận thấy tình cảm bố con giữa cháu Q và anh Th tốt.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân thị trấn N cũng phản ánh: Chị Phan Thị T và anh Trần Khắc Th đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N vào ngày 25/12/1989, đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại khối 12 thị trấn N, huyện C, tỉnh H. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng xảy ra từ lâu, anh Th nhiều lần lên địa phương làm các thủ tục liên quan đến hồ sơ ly hôn; Cả hai vợ chồng đều chấp hành tốt các quy định tại địa phương.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng, đủ, quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn 02 lần vắng

mặt tại phiên tòa không có lý do là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của anh Trần Khắc Th, cho anh Trần Khắc Th ly hôn chị Phan Thị T; Căn cứ Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Trần Thị Lệ Q cho anh Trần Khắc Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con thành niên; Không xem xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung; Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 buộc anh Trần Khắc Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Bị đơn Phan Thị T có hộ khẩu thường trú tại khối 12 Thị trấn N, huyện C, tỉnh H. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Can Lộc.

Tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 27/3/2019, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và mở lại phiên tòa vào ngày 18/4/2019. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa anh Th và chị T:

Anh Th và chị T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 1989 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C (tức Ủy ban nhân dân thị trấn N hiện nay). Đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2010, chính thức ly thân từ năm 2017 cho đến nay, do đó anh Th làm đơn yêu cầu được ly hôn với chị T là đúng với quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bị đơn tuy không đồng ý ly hôn nhưng lại cho rằng anh Th có quan hệ tình cảm với một người khác (không có chứng cứ chứng minh) và thừa nhận vợ chồng ly thân từ lâu, không còn tình cảm vợ chồng. Đồng thời ra điều kiện nếu anh Th đồng ý giao con cho bị đơn nuôi thì mới đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử nhận định dù chị T không xuất trình được chứng cứ chứng minh anh Th ngoại tình nhưng điều này thể hiện sự mất tin tưởng, yêu thương nhau, tình cảm vợ chồng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đủ căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh Trần Khắc Th ly hôn chị Phan Thị T.

[3] Về nuôi con chung sau khi ly hôn:

Anh Th và chị T đều có nguyện vọng được nuôi cháu Q sau khi ly hôn, không yêu cầu người kia cấp dưỡng nuôi con. Chị T và anh Th đều thừa nhận cả hai đều có điều kiện về thời gian và kinh tế để nuôi con.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, anh Th cho rằng anh mong muốn nuôi con vì muốn được chăm lo cho con chu đáo, đã trực tiếp nuôi con gần 02 năm, trong quá trình nuôi con không gặp trở ngại gì, việc gì anh Th chưa biết thì học hỏi để chăm sóc con cho tốt.

Tại các lời khai có trong hồ sơ chị T cho rằng chị T bị cấm đoán việc thăm gặp, chăm sóc cháu Q, trong thời gian bố mẹ ly thân thì cháu Q học hành sa sút nên chị không yên tâm nếu giao con cho anh Th nuôi.

Hội đồng xét xử nhận định: Anh Th và chị T đều có tình thương yêu đối với con, đều có nguyện vọng và điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q. Các lời khai của chị T về sự cấm đoán của anh Th hay việc học hành cháu Q bị sa sút là không có cơ sở. Cháu Q đã được anh Th chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định từ năm 2016 cho đến nay, theo xác nhận của giáo viên chủ nhiệm thì học lực và tâm lý của cháu Q đều không có vấn đề gì đáng lo ngại, cháu Q cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với bố. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Q cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Hội đồng xét xử cũng yêu cầu chị T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Q được sống chung với bố. Đồng thời anh Th và các thành viên gia đình không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Q. Nếu chị T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Th có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị T. Trong trường hợp có yêu cầu có căn cứ của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi cháu Q: Nguyên đơn không yêu cầu nên chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Nếu sau này có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Th và chị T đều thống nhất tự phân chia về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh Trần Khắc Th ly hôn chị Phan Thị T.

2. Về nuôi con chung sau khi ly hôn: Giao cháu Trần Thị Lệ Q, sinh ngày 03/5/2006 cho anh Trần Khắc Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Q thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi về quyền nuôi con. Chị T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Q được sống chung với anh Th. Anh Th và các thành viên gia đình không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Q.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không phải cấp dưỡng nuôi cháu Q. Nếu sau này có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết trong vụ án. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Anh Trần Khắc Th phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004394 ngày 02/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Can Lộc. Anh Th đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Trần Khắc Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Phan Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Can Lộc;
- Chi cục THADS huyện Can Lộc;
- UBND Thị trấn N;
- TAND tỉnh H;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thanh